



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐÀO TẠO TỪ XA KHÓA VIII
KỲ THI: CUỐI KỲ - HỌC KỲ 1; MÔN: KINH TRUNG BỘ**

MÃ MÔN: GEN301; LỚP: 208.TX.GEN301.1.1

GIẢNG VIÊN: TT.TS.T.GIÁC HOÀNG

THỜI GIAN: NGÀY 07/05/2023 TỪ 13g00-14g30; PHÒNG THI: GD. C2 (Tầng 2)

STT	MSV	THẺ DANH	PHÁP DANH	KÝ TÊN	ĐIỂM	GHI CHÚ
1	2220000266	Nguyễn Thị Nhung	TN. Liên Hoài			
2	2220000269	Nguyễn Thị Bé Phương	TN. Liên Thảo			
3	2220000272	Lương Trang Đào Phượng	TN. Hạnh Loan			
4	2220000273	Phạm Thị Ngọc Quyên	TN. Liên Thuận			
5	2220000275	Trần Thị Thanh	TN. Lâm Huyền Lưu			
6	2220000276	Trần Thị Thanh	TN. Phước Diệu Tuệ			
7	2220000277	Phạm Thị Thảo	TN. Trí Thực			
8	2220000278	Nguyễn Thị Thảo	TN. Diệu Khánh			
9	2220000279	Trịnh Thị Thiết	TN. Minh Bảo			
10	2220000281	Nguyễn Thị Thanh Thúy	TN. Hương Khiết			
11	2220000282	Tiêu Kim Thủy	TN. Pháp Kiên			
12	2220000283	Nguyễn Thu Thủy	TN. Ngọc Ngân			
13	2220000285	Hồ Như Thủy	TN. Diệu Thiện			
14	2220000286	Nguyễn Thị Hồng Thủy	TN. Nguyên Xuân			
15	2220000287	Võ Thị Thủy Tiên	TN. Khánh Vy			
16	2220000288	Nguyễn Thị Kim Tiền	T. Nữ Thuần Liên			
17	2220000290	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	TN. Chơn Tuệ			
18	2220000291	Trương Thị Phương Trâm	TN. Nhuận Bảo			
19	2220000292	Hồ Thùy Trang	TN. Lâm Huyền Giám			
20	2220000293	Lưu Thị Ngọc Trinh	TN. Tâm Liên			
21	2220000294	Nguyễn Loan Trinh	TN. Huệ An			
22	2220000295	Phạm Thị Mai Trúc	TN. Liên Minh			
23	2220000296	Nguyễn Thị Thanh Trúc	TN. Trung Tự			
24	2220000297	Nguyễn Thị Thu Truyền	TN. Quảng Sanh			
25	2220000298	Trịnh Thị Tường	TN. Huệ Vân			
26	2220000302	Trần Thị Tuyết Vân	TN. Chơn Ngộ			
27	2220000303	Nguyễn Thị Thúy Vân	TN. Tịnh Bạch			
28	2220000304	Nguyễn Thị Như Ý	TN. Quảng Định			
29	2220000305	Nguyễn Thị Xuân Ái	Giác Minh Huệ			
30	2220000309	Tôn Nữ Tuyết Anh	Viên Anh			

Tổng số bài:

Giám thị 1

Giám thị 2

Thư kí

Giảng viên